

THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN PHONG TRÀO NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN TRONG TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TÂY

THE ADVANTAGES AND DISADVANTAGES OF SCIENTIFIC RESEARCH FOR STUDENTS AT MIEN TAY CONSTRUCTION UNIVERSITY AND SOLUTIONS TO ENHANCE ITS EFFECTIVENESS

ThS. Lê Thị Thu Hằng

Khoa Xây dựng - Trường ĐHXD Miền Tây

Email: lethithuhang@mtu.edu.vn

Điện thoại: 0939 592 066

ThS. Đinh Thị Lịch

Viện KH&HTQ - Trường ĐHXD Miền Tây

Nguyễn Trọng Nghĩa, Nguyễn Thanh Xuân, Trần Phước Tiếng

Sinh viên - Trường ĐHXD Miền Tây

Ngày nhận bài: 01/06/2023

Ngày gửi phản biện: 06/06/2023

Ngày chấp nhận đăng: 16/06/2023

Tóm tắt:

Nghiên cứu được thực hiện với mục tiêu đánh giá thuận lợi, khó khăn và đề xuất giải pháp đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường Đại học Xây dựng Miền Tây. Nhóm tác giả thực hiện khảo sát với 39 giảng viên đang công tác tại Trường có thâm niên từ 05 đến 30 năm, đã từng hoặc chưa tham gia hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học. Kết quả đánh giá được thực trạng về nhận thức, năng lực và thái độ của sinh viên khi tham gia nghiên cứu, cũng như những thuận lợi và khó khăn mà giảng viên gặp phải khi hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học. Dữ liệu thứ cấp bao gồm các văn bản, quy định liên quan đến quản lý NCKH sinh viên tại cơ sở nghiên cứu cũng đã được xem xét. Bài báo đề xuất những giải pháp thực tiễn qua đó giúp cho những người làm công tác quản lý có chủ trương và phương hướng phù hợp thúc đẩy phát triển phong trào nghiên cứu khoa học sinh viên trong Trường cả về chất lượng và số lượng.

Từ khóa: Khoa học, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu khoa học sinh viên, khảo sát, thực trạng, giải pháp.

Abstract:

The study was conducted with the goals of: 1) evaluating the advantages and disadvantages of scientific research for students at Mien Tay Construction University; and 2) proposing solutions to improve the quality of scientific research activities for students at the University. This is a quantitative and cross sectional study. 39 teaching staffs with teaching experience from 5 to 30 years, who have or have not guided students to do scientific research projects, were directly interviewed based on structured questionnaire to learn about awareness, capacity and attitude of students when implementing scientific research, as well as to learn about advantages and disadvantages that lecturers have been meeting. Secondary data including documents, regulations related to quality management of scientific research for students in study settings were also reviewed. The study also proposed solutions to encourage and promote scientific research activities for students at MTU in terms of both quality and quantity

Keywords: science, scientific research, students in research, investigation, current situation, solutions.

1. Đặt vấn đề

Nghiên cứu khoa học (NCKH) là một trong những hoạt động diễn ra thường xuyên trong đời sống của con người trong các ngành, các lĩnh vực... nhằm thúc đẩy sự phát triển của xã hội và luôn phục vụ cho lợi ích của con người.

NCKH là sự tìm kiếm những điều mà khoa học chưa biết, bản chất sự việc, nhận thức khoa học, sáng tạo phương pháp, phương tiện kỹ thuật mới phục vụ cho con người [1, 2].

Nói chung, NCKH là đi tìm lời giải cho các câu hỏi chưa được giải đáp bằng cách sử dụng các phương pháp khoa học. NCKH góp phần thúc đẩy tiến bộ của khoa học thông qua các phương pháp nghiên cứu, quan sát, so sánh và thực nghiệm. Tóm lại, NCKH là tìm kiếm tri thức, sử dụng các phương pháp có chủ đích và có hệ thống để tìm giải pháp cho một vấn đề, một sự thật còn bí ẩn hoặc chưa được ai khám phá

nhằm phục vụ cho lợi ích của con người, đóng góp sự phát triển khoa học và đời sống [3].

Bên cạnh đó, hoạt động NCKH sinh viên (SV) là một trong những hoạt động quan trọng không thể thiếu trong quá trình đào tạo trình độ đại học, đóng góp tích cực cho quá trình nâng cao trình độ chuyên môn và rèn luyện nâng cao các kỹ năng của SV, NCKH còn là một xu thế, một biện pháp tích cực của nền giáo dục năng động, sáng tạo.

Theo Điều 2 của Thông tư số 26/2021/TT-BGDĐT ngày 17/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo "Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của SV trong cơ sở giáo dục đại học" về khuyến khích và tạo điều kiện cho SV NCKH, góp phần tạo cơ hội việc làm sau khi ra trường [4].

Để cụ thể hóa Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Xây dựng Miền Tây (ĐHXDMT) cũng đã ban hành Quyết định số 129/QĐ-ĐHXDMT ngày 17/3/2022

Quy định về quản lý hoạt động NCKH của SV Trường ĐHXDMT, Nhà trường luôn tạo điều kiện để SV tham gia hoạt động NCKH nhằm phát huy khả năng sáng tạo, độc lập trong tư duy, hình thành các ý tưởng, dự án khởi nghiệp góp phần tạo cơ hội việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp [5]. Bên cạnh đó, hướng dẫn SV NCKH cũng là một trong những hoạt động của giảng viên (GV) Trường ĐHXDMT [6, 7].

Phát triển và nâng cao chất lượng phong trào NCKH trong SV cũng là một vấn đề nan giải đối với các Trường Đại học, là một trong những tiêu chí kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học.

Thực trạng NCKH của SV Trường Đại học Hồng Đức và một số đề xuất góp phần nâng cao chất lượng NCKH của SV trong Nhà trường là bài nghiên cứu nhằm tìm ra nguyên nhân của những bất cập và hướng khắc phục góp phần nâng cao chất lượng, tìm hiểu thực trạng hoạt động NCKH của SV Trường Đại học Hồng Đức, nguyên nhân của những mặt được và chưa được (như lựa chọn đề tài, khả năng viết đề cương...) từ đó đề xuất ý kiến góp phần nâng cao chất lượng hoạt động NCKH của SV [8]. Trong một nghiên cứu khác, tác giả xác định các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động NCKH của SV thông qua thống kê số lượng đề tài (bao gồm cả đề tài tốt nghiệp) và phỏng vấn 50 SV nên chưa phản ánh đúng thực trạng của hoạt động này và chưa đề ra được biện pháp thúc đẩy phong trào NCKH SV phát triển [9].

Hoạt động SV NCKH và nghiên cứu sớm (từ những năm đầu Đại học) cũng rất được

các Trường Đại học trên thế giới quan tâm. Trong bài nghiên cứu tác giả khẳng định ngoài những lợi ích đã biết thì vẫn còn nhiều rào cản và thách thức đến hoạt động NCKH tại các Trường Đại học như: ý tưởng nghiên cứu, kiến thức chuyên môn, phương pháp nghiên cứu... GV còn thiếu kinh nghiệm hướng dẫn, thời gian, không gian nghiên cứu và trang thiết bị hỗ trợ... Bằng cách chia ba nhóm GV có kinh nghiệm hướng dẫn SV NCKH và chia sẻ thông qua thảo luận bàn tròn liên quan đến việc thu hút SV nghiên cứu thông qua các môn học, các dự án nghiên cứu chính thức và SV chưa được đại diện tham gia nghiên cứu [10].

Theo số liệu báo cáo tổng kết hoạt động NCKH SV Trường ĐHXDMT hằng năm giai đoạn 2016-2020 và 2021-2022 cho thấy số lượng đề tài NCKH SV trong trường có xu hướng giảm, SV còn e ngại hoặc chưa mạnh dạn đăng ký thực hiện đề tài NCKH [11]. Về vấn đề này cần nhìn nhận và đánh giá từ hai khía cạnh: về phía SV (là người trực tiếp thực hiện đề tài) và về phía GV (là người hướng dẫn khoa học, định hướng đề SV NCKH). Nhằm đánh giá thực trạng, tìm hiểu nguyên nhân nhóm tác giả tiến hành nghiên cứu khảo sát thực trạng về kiến thức, kỹ năng, thái độ và tâm lý của SV đối với hoạt động NCKH thông qua phiếu khảo sát GV từ đó đề xuất giải pháp nhằm thúc đẩy phong trào NCKH của SV Trường ĐHXDMT.

2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Nhóm tác giả tiến hành khảo sát trên nhóm đối tượng là GV nam và nữ có thâm niên công tác tại Trường ĐHXDMT từ 05 đến

30 năm.

Đối tượng giảng dạy tại khoa Cơ bản, Lý luận Chính trị, Kinh tế, Kiến trúc, Kỹ thuật Hạ tầng - Đô thị và Xây dựng. Những GV được khảo sát đã có hoặc chưa tham gia hướng dẫn SV NCKH.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu lý thuyết: dựa trên các quy định hiện hành, các tài liệu nghiên cứu có liên quan, nhóm tác giả tiến hành tổng hợp và phân tích để viết phần tổng quan tình hình nghiên cứu cũng như làm nổi bật tính cấp thiết của đề tài;

Nhóm tác giả dựa trên các tiêu chí về kiến thức, kỹ năng và thái độ cần có, cũng như những thuận lợi và khó khăn gặp phải khi SV tham gia hoạt động NCKH.

Phương pháp chuyên gia: nhóm tác giả xây dựng mẫu phiếu khảo sát với các tiêu chí phù hợp, tiến hành xin ý kiến chuyên gia để hoàn thiện mẫu phiếu khảo sát khoa học và bám sát thực tế trước khi thực hiện khảo sát chính thức;

Phương pháp khảo sát: Phiếu khảo sát sau khi hoàn thiện chỉnh sửa theo ý kiến đóng góp của chuyên gia, nhóm tác giả tiến hành soạn thảo bằng Google Form gửi khảo sát online (bằng mã QR) thông qua địa chỉ thư điện tử công vụ của giảng viên và gặp trực tiếp GV để quét mã QR thực hiện khảo sát;

Phương pháp thống kê và phân tích số liệu: từ kết quả khảo sát tác giả tiến hành tổng hợp, hiệu chỉnh lại dữ liệu và phân tích số liệu bằng Excel;

2.3. Thông tin khảo sát

Nội dung phiếu khảo sát gồm ba phần:

- Phần I: là những thông tin cá nhân người được khảo sát;

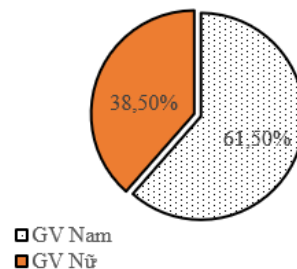
- Phần II: là nội dung khảo sát gồm 17 câu hỏi với các hình thức trả lời lựa chọn một hoặc nhiều đáp án sẵn có, bên cạnh đó còn có nhóm câu hỏi thể hiện quan điểm cá nhân;

- Phần III: là kiến nghị khắc phục những vấn đề còn vướng mắc và đề xuất các giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển phong trào NCKH của SV trong Trường ĐHXDMT.

3. Kết quả và thảo luận

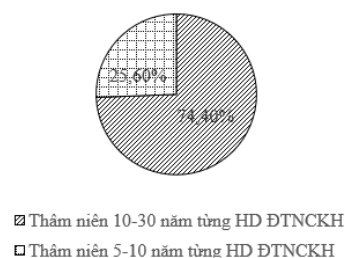
3.1. Kết quả khảo sát

Sau khi tiến hành gửi phiếu online và liên hệ trực tiếp để khảo sát, nhóm tác giả thu thập được 39 phiếu khảo sát, trong đó:



Hình 1. Tỷ lệ nam và nữ thực hiện phiếu khảo sát

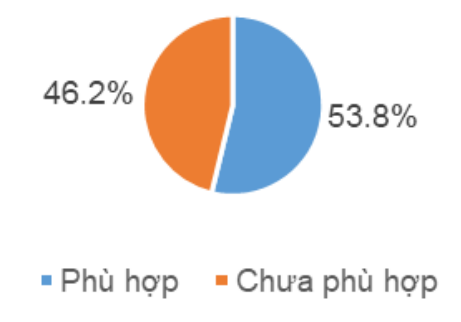
Đối tượng khảo sát là nữ có 15 GV chiếm 38,5%; GV nam là 24 chiếm 61,5%.



Hình 2. Thâm niên và kinh nghiệm hướng dẫn SV NCKH

Có 29 GV tương đương 74,4% có thâm niên công tác từ 10 - 30 năm và từng tham gia hướng dẫn đề tài NCKH SV; từ 05 - 10 năm và chưa từng tham gia hướng dẫn đề tài NCKH SV là 10 GV chiếm 25,6%; GV công tác tại khoa Xây dựng là 22 chiếm 56,4% và tại các khoa khác là 17 chiếm 43,6%.

Đa số người được khảo sát tâm huyết với việc hướng dẫn sinh viên NCKH và đồng ý rằng NCKH là quyền lợi của SV, SV nên tham gia hoạt động này khi còn ngồi trên ghế giảng đường.

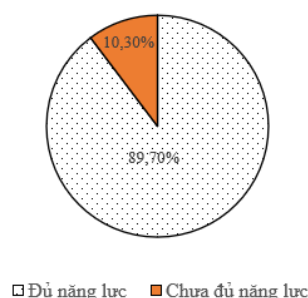


Hình 3. Mức độ phù hợp của NCKH SV so với quy mô Trường

Phong trào NCKH SV phù hợp với Tầm nhìn và Sứ mạng của Nhà trường có 53,8% người được khảo sát đồng ý [12] (Hình 3);

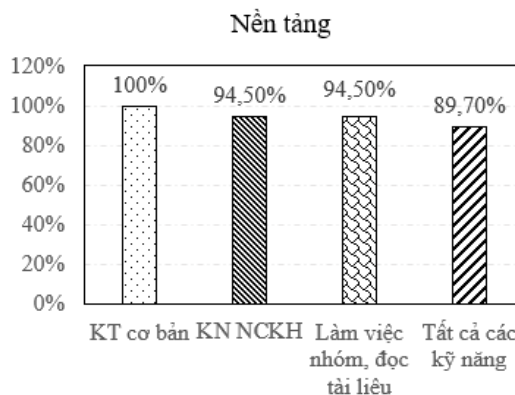
89,7% đánh giá SV có đủ năng lực tham gia NCKH, các đề tài đã được nghiệm thu đạt mức khá, tốt và đồng ý với ý kiến SV năm 2 và năm 3 nên tham gia NCKH; NCKH góp phần nâng cao kiến thức chuyên môn, tăng cơ hội việc làm sau khi ra trường, rèn luyện tư duy logic và phương pháp làm việc khoa học; nâng cao kỹ năng trình bày

văn bản, làm việc nhóm, thuyết trình và phản biện (Hình 4);



Hình 4. Năng lực NCKH của SV

Nền tảng kiến thức cơ bản về lĩnh vực nghiên cứu, kỹ năng làm việc nhóm, các khóa học về kỹ năng NCKH, kỹ năng tìm kiếm và đọc tài liệu kể cả tiếng Anh cũng được đa số người được khảo sát (89,7%) thống nhất rằng SV cần phải được trang bị khi tham gia NCKH.



Hình 5. Các kiến thức, kỹ năng SV cần được trang bị khi tham gia NCKH

Nghiêm túc, chuyên cần và trách nhiệm là những đức tính cần có đối với một người tham gia hoạt động NCKH; Phong trào NCKH SV được 53,8% người cho rằng phù hợp với Tầm nhìn và Sứ mạng của Nhà trường.

94,9% người được khảo sát đề xuất

tăng định mức giờ hướng dẫn, thời gian nghiên cứu, hỗ trợ liên kết tìm kiếm tài trợ đề tài và khen thưởng được, còn lại yêu cầu hỗ trợ tăng cường trang thiết bị thí nghiệm, tài liệu tham khảo thông qua liên kết thư viện với các trường đại học lớn trong nước và quốc tế.

Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề/tọa đàm chia sẻ kinh nghiệm NCKH, củng cố và đẩy mạnh hoạt động của câu lạc bộ NCKH SV, tổ chức các cuộc đối thoại giữa các phòng, khoa chuyên môn với SV về vấn đề NCKH SV là ý kiến của 94,9%, 5,1% kiến nghị cần tổ chức các buổi tập huấn nâng cao năng lực và kỹ năng của người hướng dẫn;

69,2% GV đề xuất SV thực hiện đề tài NCKH được công nhận kết quả nghiên cứu có thể quy đổi 02 tín chỉ tự chọn tương đương;

Cộng điểm cho môn tự chọn hoặc học phần tương đương khi đề tài được công nhận kết quả; tổ chức các hội thảo khoa học có sự tham gia báo cáo các chuyên gia trong và ngoài nước để chia sẻ và truyền lửa đam mê NCKH cho SV. Đẩy mạnh vai trò và đa dạng hóa các hoạt động của Câu lạc bộ NCKH SV, thường xuyên tổ chức những buổi sinh hoạt phổ biến để SV hiểu rõ những quyền lợi đạt được khi thực hiện đề tài.

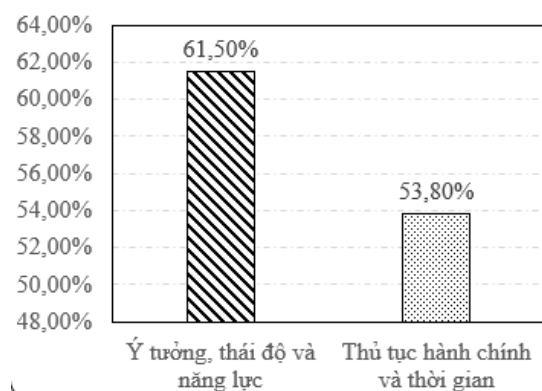
3.2. Thuận lợi

Hoạt động NCKH SV luôn được Nhà trường tạo điều kiện thuận lợi, được hỗ trợ kinh phí, các trang thiết bị cần thiết và tài liệu tham khảo, được hỗ trợ ý tưởng nghiên cứu, đề xuất người

hướng dẫn. Bên cạnh đó, SV còn được tham dự các cuộc thi sinh viên NCKH là 82,1%.

3.3. Khó khăn

61,5% gặp khó khăn về thủ tục hành chính và thời gian khi hướng dẫn SV NCKH. Hiện tại, quy định mới điều chỉnh thời gian thực hiện đề tài NCKH SV là 06 tháng (thay vì 12 tháng) [5]. Ngoài ra, 53,8% gặp khó khăn về ý tưởng, thái độ và năng lực nghiên cứu của SV.



Hình 6. Những khó khăn GV gặp phải khi tham gia hướng dẫn SV NCKH

3.4. Giải pháp

Qua kết quả nghiên cứu cho thấy SV Trường ĐHXDMT luôn được tạo điều kiện thuận lợi để tham gia NCKH, cơ bản đáp ứng được Tầm nhìn và Sứ mạng của Nhà trường hướng đến là cơ sở đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và là trung tâm NCKH. Tuy nhiên, một vài khó khăn như năng lực nghiên cứu, thời gian nghiên cứu bị rút ngắn, kỹ năng tìm hiểu và đọc tài liệu của SV còn hạn chế... cũng là rào cản để phát triển phong trào NCKH SV.

Cần tăng định mức giờ hoạt động khoa học cho người hướng dẫn khoa

học, tăng thời gian nghiên cứu, hỗ trợ liên kết tìm kiếm tài trợ đề tài và khen thưởng; Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề/tọa đàm chia sẻ kinh nghiệm NCKH, củng cố và đẩy mạnh hoạt động của câu lạc bộ NCKH SV, tổ chức các cuộc đối thoại giữa các phòng, khoa chuyên môn với SV về vấn đề NCKH SV.

Một số xu hướng thực hiện đề tài về giải pháp, vật liệu xây dựng “thân thiện môi trường”, năng lượng xanh, giải pháp xây dựng thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng...; phương án xây dựng các bãi đậu xe cho thành phố lớn; giải pháp cách nhiệt và tiết kiệm năng lượng ở đồng bằng sông Cửu Long nghiên cứu các loại vật liệu thay thế, vật liệu nhẹ... hoặc kế thừa các kết quả nghiên cứu trước đó.

4. Kết luận

Nghiên cứu đã nêu lên được những thuận lợi và khó khăn trong phong trào NCKH SV từ góc độ của GV:

- Thuận lợi: khi tham gia hoạt động NCKH SV được hỗ trợ về kinh phí cho nhóm tác giả, chi phí cho vật liệu thí nghiệm, được đầu tư trang thiết bị thí nghiệm phù hợp. Bên cạnh đó, SV còn được hỗ trợ lên ý tưởng và đề xuất người hướng dẫn khoa học, được tham gia dự thi các cuộc thi về NCKH SV như: giải Sáng tạo kỹ thuật Trần Đại Nghĩa, giải thưởng Sinh viên NCKH Euréka...

- Khó khăn: SV chưa tiếp cận, chưa đánh giá được lợi ích khi tham gia hoạt động NCKH, chưa chủ động tìm kiếm chủ đề nghiên cứu, thời gian thực hiện

đề tài ngắn và thủ tục hành chính cũng là những rào cản khi SV cân nhắc thực hiện đề tài nghiên cứu.

Thông qua phiếu khảo sát nhóm tác giả thống kê những đề xuất và giải pháp nhằm thúc đẩy phong trào NCKH của SV Trường ĐHXDMT như: tăng định mức giờ hoạt động khoa học và công nghệ cho người hướng dẫn khoa học phù hợp hơn, tăng thời gian thực hiện đề tài nghiên cứu, đề xuất danh mục ý tưởng nghiên cứu để SV lựa chọn thực hiện, liên kết với các Công ty, Doanh nghiệp tài trợ hoặc đặt hàng nghiên cứu... Đồng thời, cần xem xét và công nhận yếu tố rủi ro khi thực hiện đề tài NCKH SV.

Bài nghiên cứu có ý nghĩa khoa học và thực tiễn, là cơ sở để Ban Giám hiệu Nhà trường cụ thể hóa thành phương hướng hành động và quy định cụ thể, góp phần thúc đẩy phong trào NCKH SV ngày càng phát triển.

Trong bài nghiên cứu tiếp theo nhóm tác giả sẽ khảo sát thực trạng và đề xuất giải pháp phát triển phong trào NCKH SV trường ĐHXDMT thông qua phiếu khảo sát SV để có cái nhìn khái quát hơn thông qua các yếu tố về kiến thức, kỹ năng và thái độ của SV đối với hoạt động NCKH.

5. Lời cảm ơn

Nhóm tác giả xin chân thành cảm ơn Trường ĐHXDMT đã tạo mọi điều kiện thuận lợi, hỗ trợ về thời gian và kinh phí để nhóm tác giả hoàn thành đề tài mã số SV.23.02.

Tài liệu tham khảo

- [1] Vũ Cao Đàm, *Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, tái bản lần thứ 12. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2021.
- [2] Nguyễn Đăng Bình, Nguyễn Văn Dự, *Phương pháp nghiên cứu khoa học*. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, 2010.
- [3] Wikipedia, “Đề tài nghiên cứu khoa học”, 2021. [Trực tuyến]. Địa chỉ: https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BB%81_t%C3%A0i_nghi%C3%AAn_c%E1%B%A9u_khoa_h%E1%BB%8Dc. [Truy cập ngày 27/5/2022].
- [4] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Thông tư số 26/2021/TT-BGDĐT ngày 17/9/2021 Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong cơ sở giáo dục đại học*, 2021.
- [5] Trường Đại học Xây dựng Miền Tây, *Quyết định số 129/QĐ-ĐHXDMT ngày 17/3/2022 Quy định về quản lý hoạt động NCKH của sinh viên Trường Đại học Xây dựng Miền Tây*, 2022.
- [6] Trường Đại học Xây dựng Miền Tây, *Quyết định số 465/QĐ-ĐHXDMT ngày 11/8/2022 ban hành Quy định về quản lý hoạt động Khoa học và Công nghệ Trường Đại học Xây dựng Miền Tây*, 2022.
- [7] Trường Đại học Xây dựng Miền Tây, *Quyết định số 312/QĐ-ĐHXDMT ngày 08/6/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chế độ làm việc của giảng viên Trường Đại học Xây dựng Miền Tây*, 2022.
- [8] Lê Thị Thu Hà, “Thực trạng nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường Đại học Hồng Đức và một số đề xuất góp phần nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học của sinh viên trong Nhà trường”, *Tạp chí Khoa học - Trường Đại học Hồng Đức*, số 10, trang 20, 2012.
- [9] Nguyễn Thị Thanh Tuyền, “*Thực trạng nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường Đại học An Giang*”, Đề tài nghiên cứu khoa học, Trường Đại học An Giang, 2013.
- [10] Chat. T. Miller, Merritt Drewery, Tina M. Waliczek, Ryan N. Contreras and Chieri Kubota, “Thu hút sinh viên đại học tham gia nghiên cứu khoa học”, *HortTechnology*, trang 1, 33(1), 2-2023. DOI: 10.21273/HORTTECH05130-22.
- [11] Trường Đại học Xây dựng Miền Tây, *Báo cáo tổng kết công tác nghiên cứu khoa học của sinh viên giai đoạn 2016 - 2022 và định hướng hoạt động năm học 2022 - 2023*, 5 - 2022.
- [12] Trường Đại học Xây dựng Miền Tây, “Sứ mạng - Tầm nhìn - Giá trị cốt lõi - Triết lý giáo dục”, 2021. [Trực tuyến]. Địa chỉ: <http://www.mtu.edu.vn/Default.aspx?ArticleId=f105980d-ff4d-47b2-9c04-c5ffa3e9984f>. [Truy cập ngày 20/7/2022].